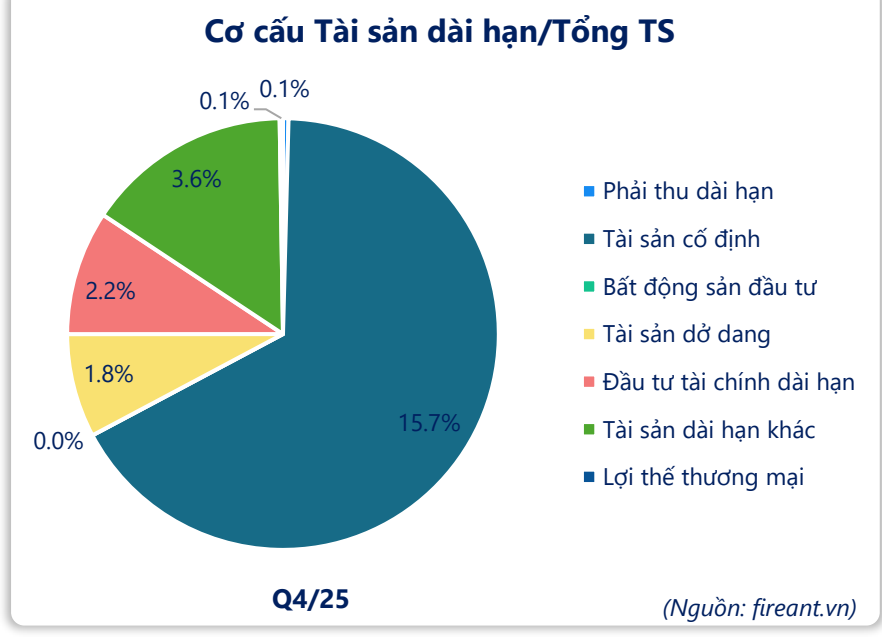
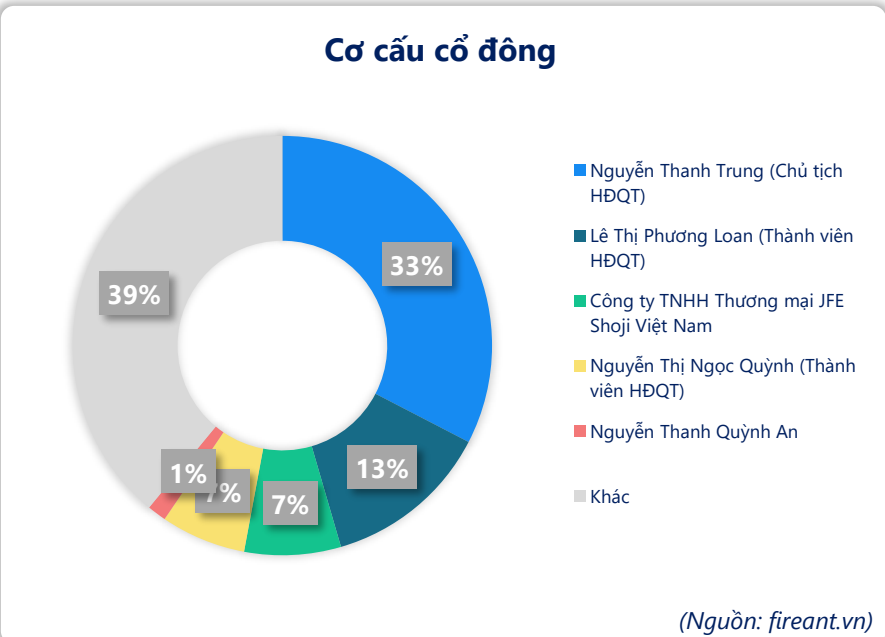
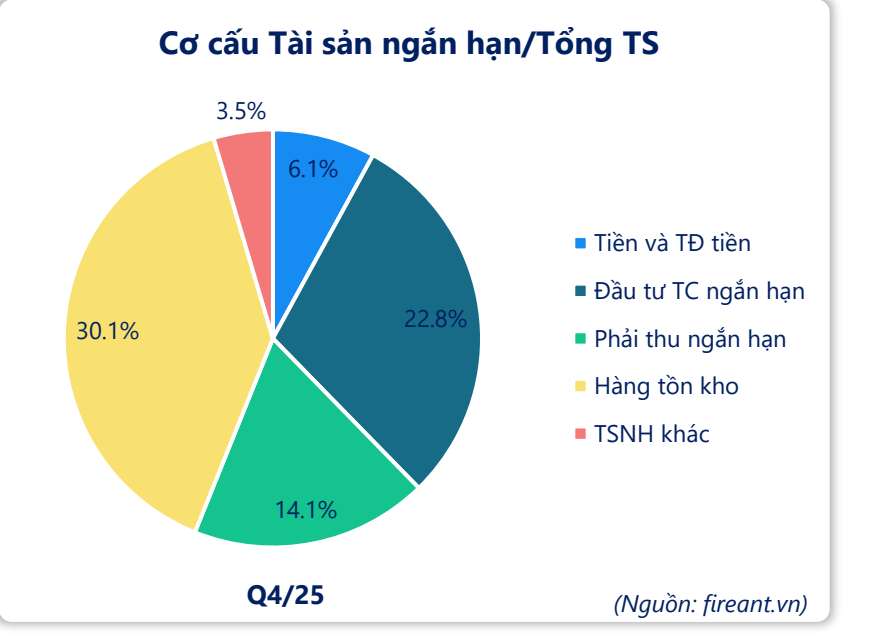
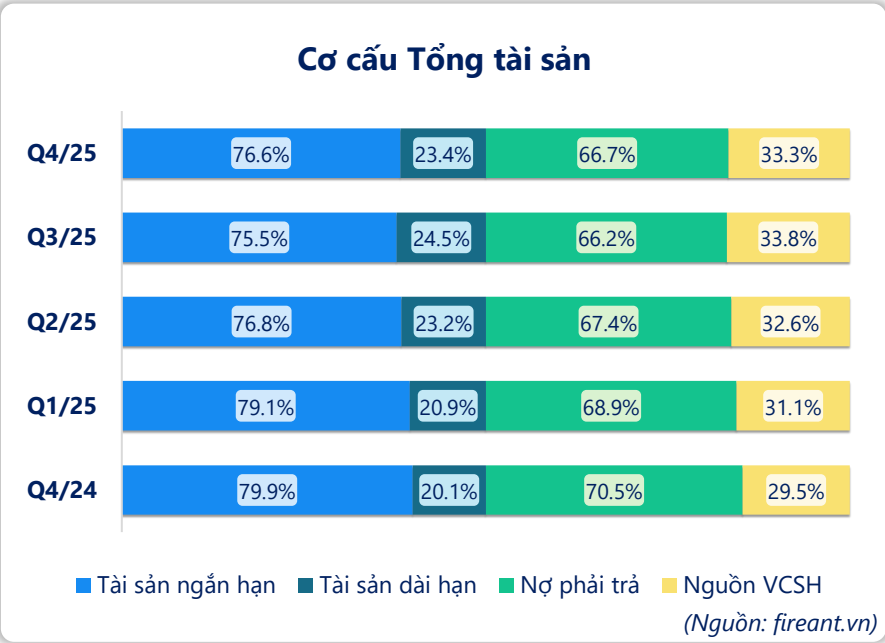
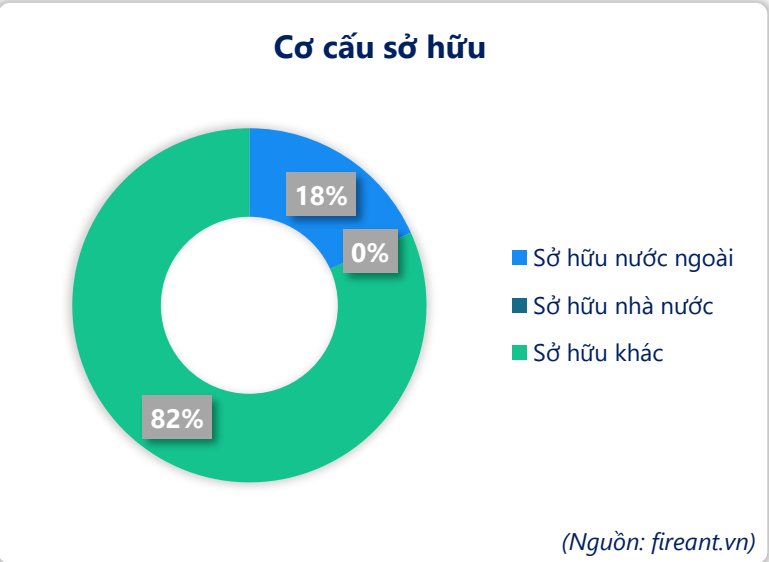
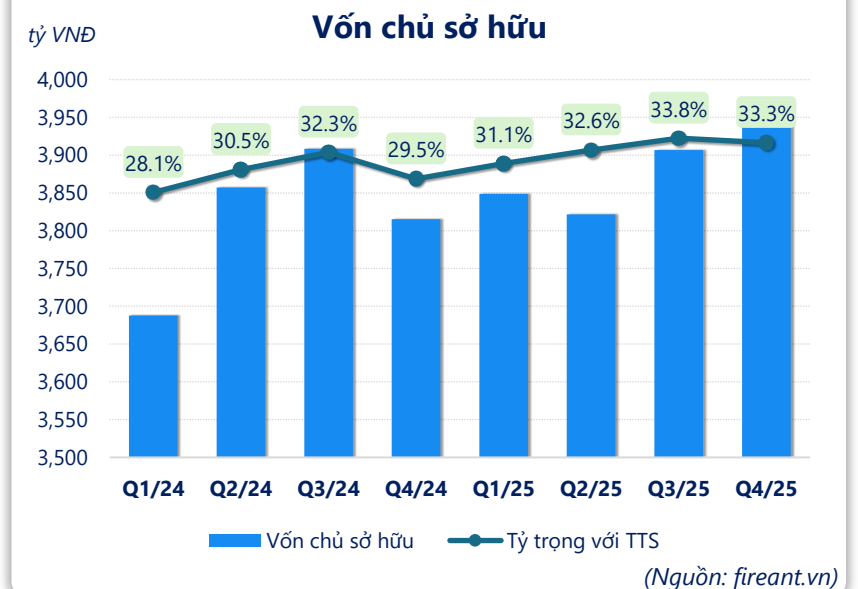
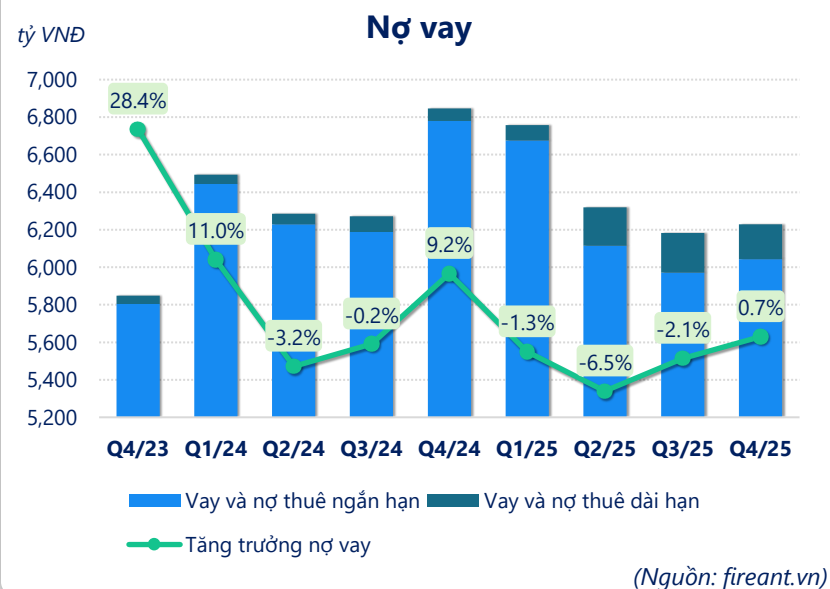
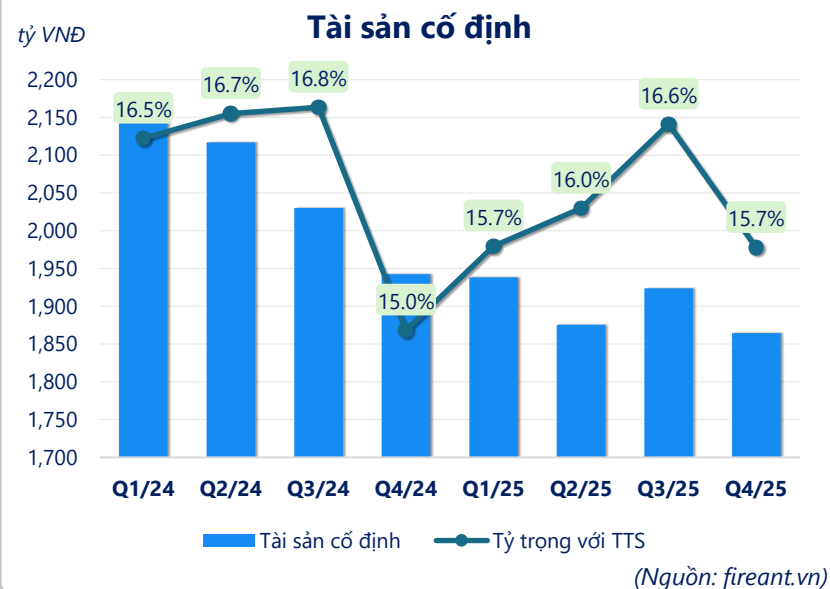
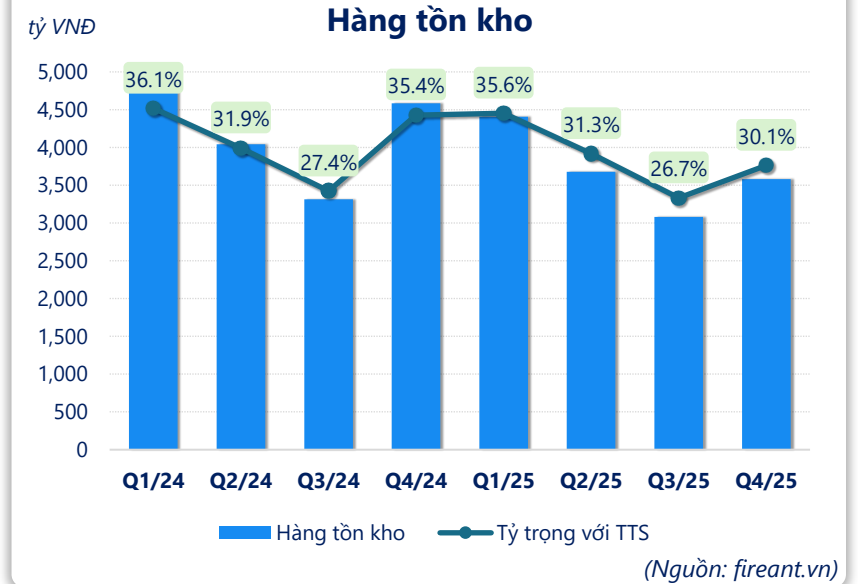
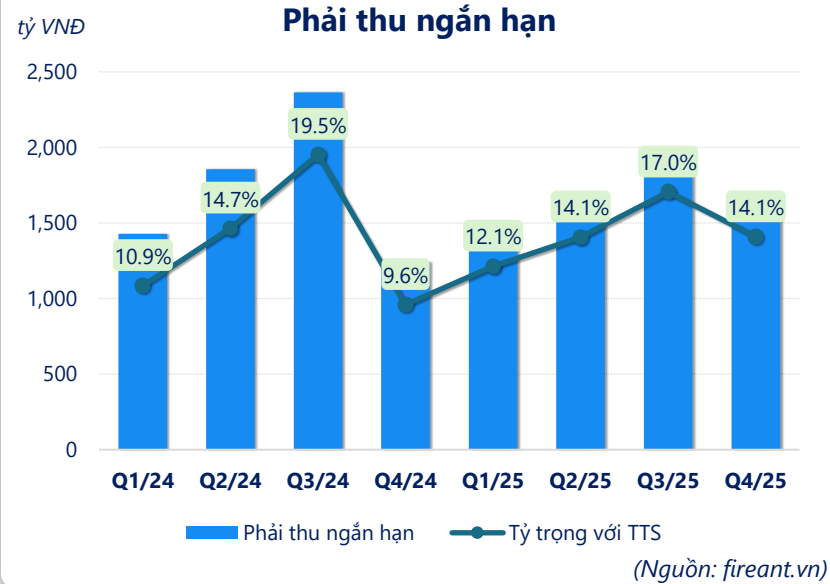
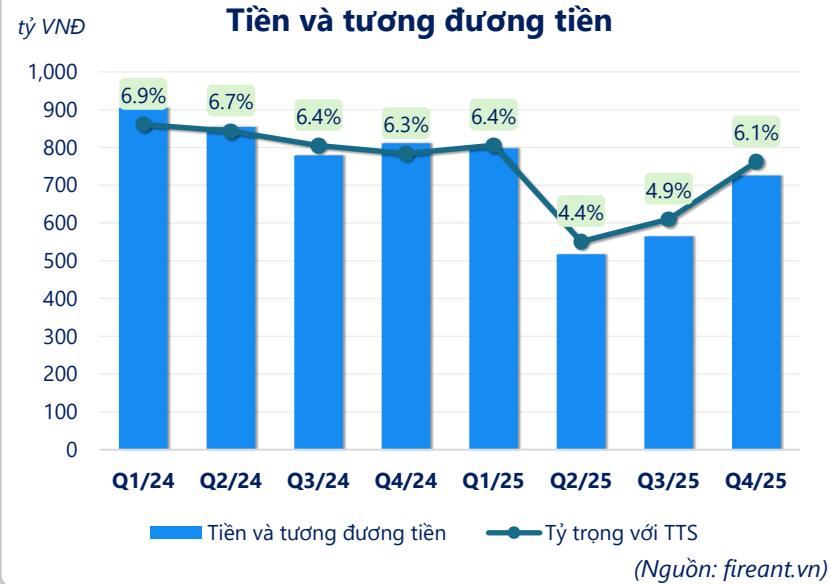
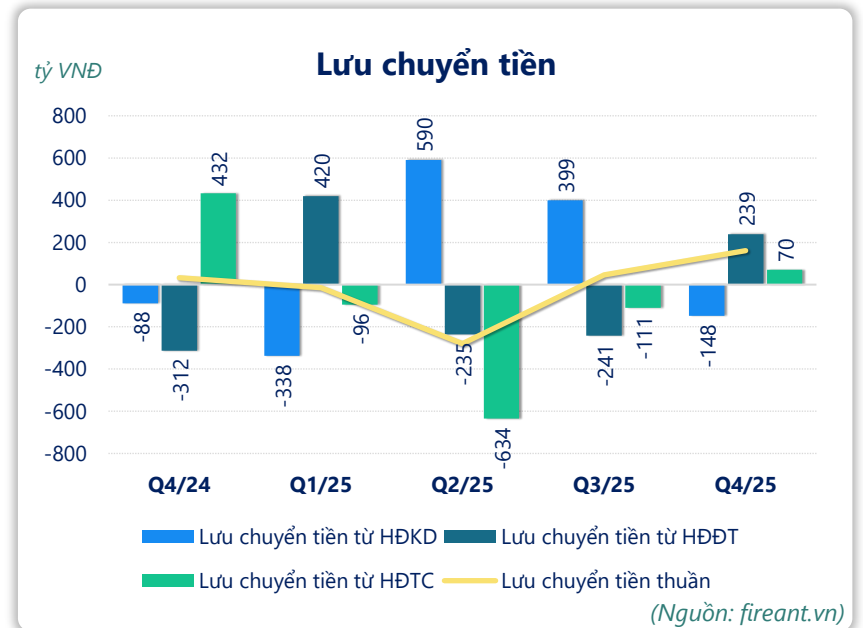
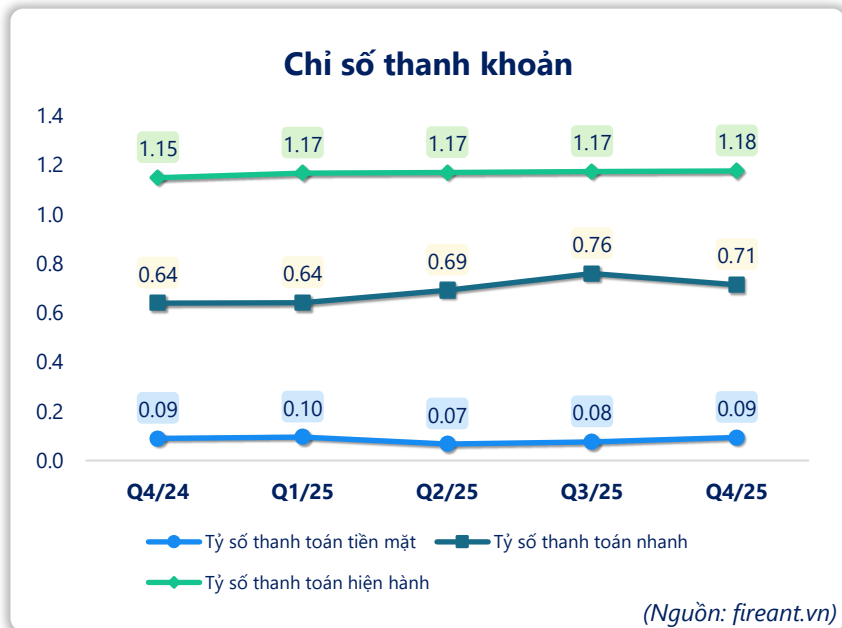
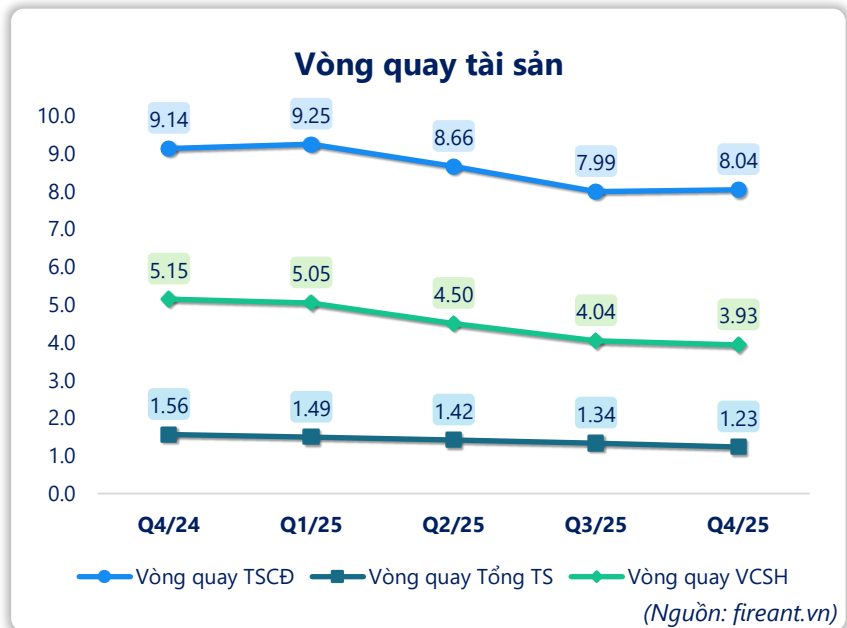
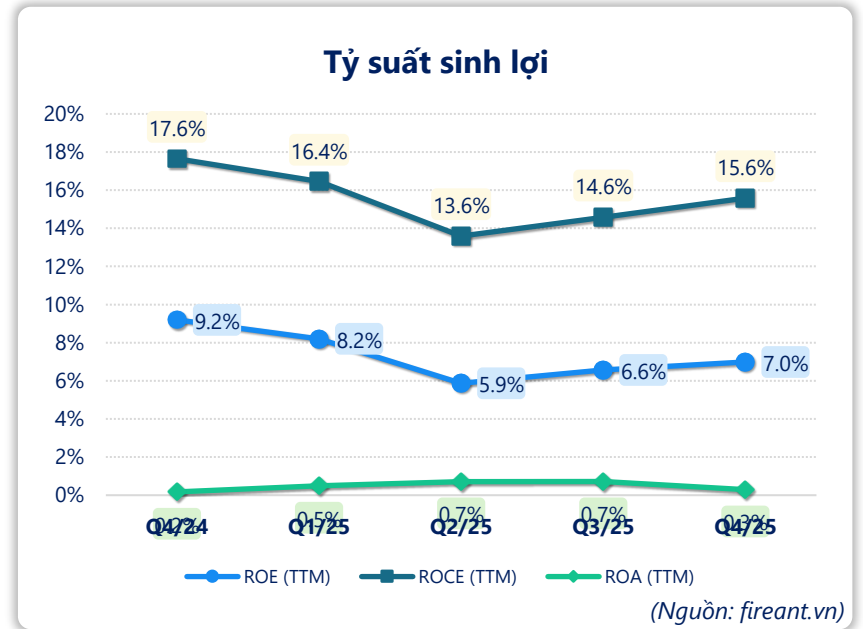
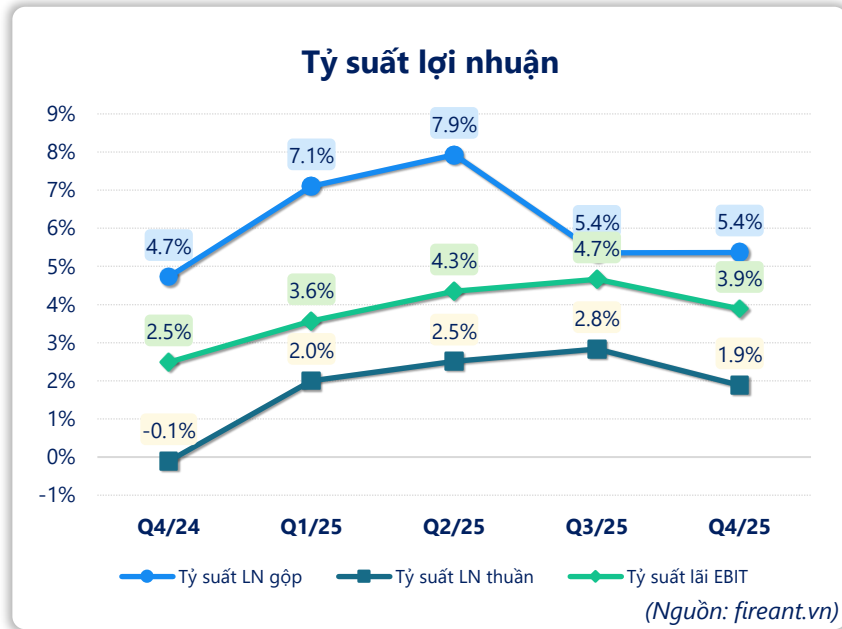
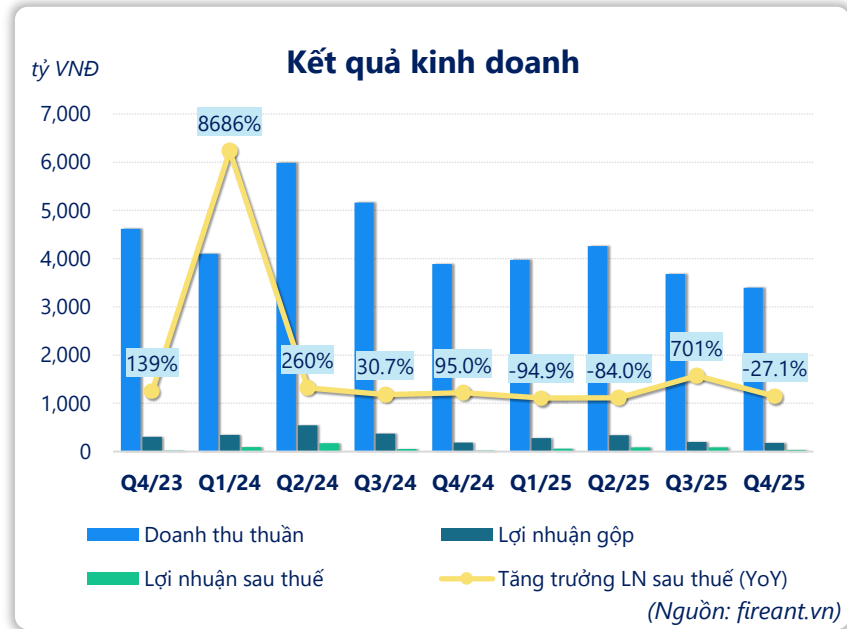


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,922
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,997
SL cổ phiếu LH		149,098,851
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120,135
% sở hữu nước ngoài		18.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,400
P/E		8.8
EPS		1,823

	YTD	1T	3T	6T
GDA	-19.2%	-9.0%	-9.6%	4.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,901	12,939	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	9,110	10,338	-11.9%
Tiền và tương đương tiền	725	811	-10.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,709	3,222	-15.9%
Phải thu ngắn hạn	1,676	1,242	34.9%
Hàng tồn kho	3,582	4,585	-21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	418	479	-12.8%
Tài sản dài hạn	2,790	2,601	7.3%
Phải thu dài hạn	11.5	13.5	-15.1%
Tài sản cố định	1,864	1,942	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	217	65.7	230%
Đầu tư tài chính dài hạn	260	110	136%
Tài sản dài hạn khác	431	461	-6.6%
Lợi thế thương mại	6.91	7.78	-11.2%
Nợ phải trả	7,934	9,124	-13.0%
Nợ ngắn hạn	7,747	9,002	-13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,042	6,779	-10.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,413	1,843	-23.3%
Nợ dài hạn	186	122	52.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	186	66.6	180%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,967	3,815	4.0%
Vốn chủ sở hữu	3,967	3,815	4.0%
Vốn điều lệ	1,491	1,147	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,888	3,977	4,257	3,680	3,397
Giá vốn hàng bán	3,704	3,694	3,919	3,483	3,214
Lợi nhuận gộp	184	282	337	197	182
Doanh thu HĐTC	138	63.1	101	87.5	68.8
Chi phí TC	92.7	80.7	126	83.7	76.7
Chi phí lãi vay	70.7	60.2	77.0	65.1	72.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	192	164	175	66.8	75.8
Chi phí QLDN	41.9	21.3	30.4	30.0	34.6
LN thuần từ HĐKD	-4.13	79.6	107	104	64.0
Lợi nhuận khác	30.1	2.01	1.34	2.24	-4.27
LN trước thuế	25.9	81.6	108	107	59.7
Lợi nhuận sau thuế	21.3	62.7	87.7	85.0	36.6
LNST của CĐ cty mẹ	21.3	62.7	87.7	85.0	36.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-88.1	-338	590	399	-148
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-312	420	-235	-241	239
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	432	-95.5	-634	-111	70.3
Tiền đầu kỳ	779	811	797	517	564
Lưu chuyển tiền thuần	31.8	-13.9	-280	46.8	161
Ảnh hưởng tỷ giá	0.26	0	-0.07	0.18	-0.37
Tiền cuối kỳ	811	797	517	564	725

(Nguồn: fireant.vn)